

Báo cáo chiến lược

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Tháng 01.2025

Mở tài khoản



Tải ứng dụng



Trung tâm phân tích <GO>

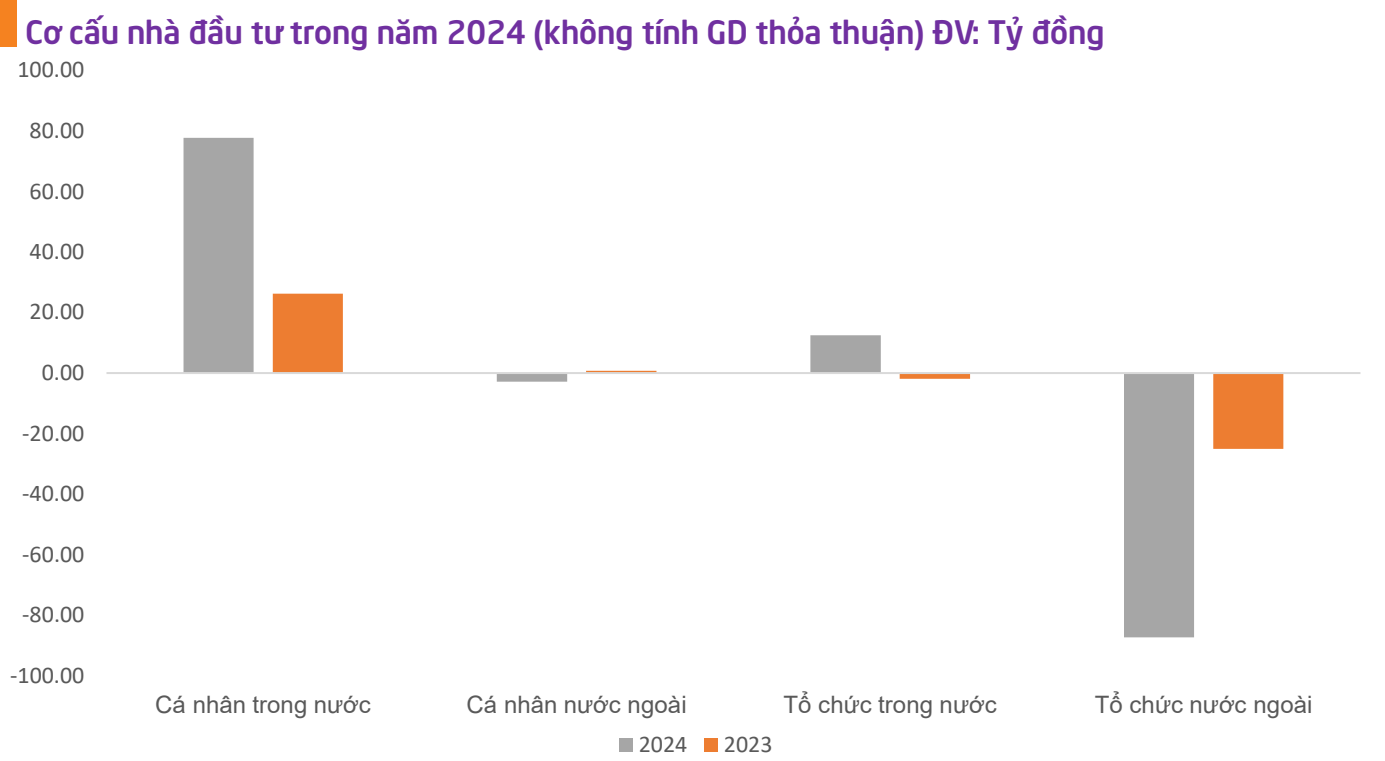
## THỊ TRƯỜNG BIẾN ĐỘNG KHÓ LƯỜNG KHI THANH KHOẢN CHƯA ĐƯỢC CẢI THIỆN.

- Thị trường ghi nhận sự tăng trưởng trong năm 2024
- Diễn biến thanh khoản và giá trị giao dịch trong 12 tháng
- Diễn biến của các nhóm ngành trong năm 2024
- Động thái của khối ngoại trong năm 2024
- Nhóm ngành kỳ vọng có diễn biến tích cực trong tháng 01/2025
- Dự báo kịch bản giao động của VNIndex trong tháng 1/2025.
- Cổ phiếu có cơ hội đầu tư theo tín hiệu PTKT – BVH (HSX)
- Cổ phiếu có cơ hội đầu tư theo tín hiệu PTKT – NLG (HSX)
- Thống kê hiệu suất của cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT

# Thị trường ghi nhận sự tăng trưởng trong năm 2024

- Năm 2024 ghi nhận một năm tăng trưởng của chỉ số VNINDEX từ ngưỡng 1,136.39 điểm lên ngưỡng 1,266.78 điểm tương ứng với mức tăng 11.93%. Động lực tăng chính đến từ nửa đầu năm vào tháng 01/2024 – 06/2024. Trong nửa năm còn lại, VNINDEX ghi nhận vùng giao động quanh ngưỡng từ 1180 điểm đến 1300 điểm cho đến hết năm giao dịch 2024.
- Năm 2024 cho thấy sự phân hoá rõ rệt của 3 nhóm vốn hoá VN30, VNSML và VNMID. Nhóm VN30 ghi nhận mức tăng trưởng lên đến 18.83% cao hơn so với mức tăng 12.56% của năm 2023. Ngược lại, nhóm vốn hoá VNMID và VNSML dù vẫn tăng trưởng trong năm 2024 với mức tăng lần lượt 9.90% và 5.80% nhưng lại thấp hơn so với mức tăng trưởng trong năm 2023 khi mà trong năm 2023, các chỉ số này đạt mức tăng trưởng: 32.17% và 28.88%.
- Xét về cơ cấu nhà đầu tư, nhóm NĐT nước ngoài ghi nhận một năm bán ròng mạnh trên sàn HOSE khi GTGD tăng gấp 250% so với năm 2023, con số GTGD ghi nhận lên đến -90,269 tỷ đồng. Ngược lại nhóm NĐT trong nước với nhóm NĐT cá nhân lại mua ròng mạnh, tăng trưởng lên đến 196.3% so với năm 2023. Tương tự với nhóm tổ chức trong nước khi ghi nhận mua ròng 12,504 tỷ đồng trong năm 2024 thay vì bán ròng 1,915 tỷ đồng trong năm 2023.

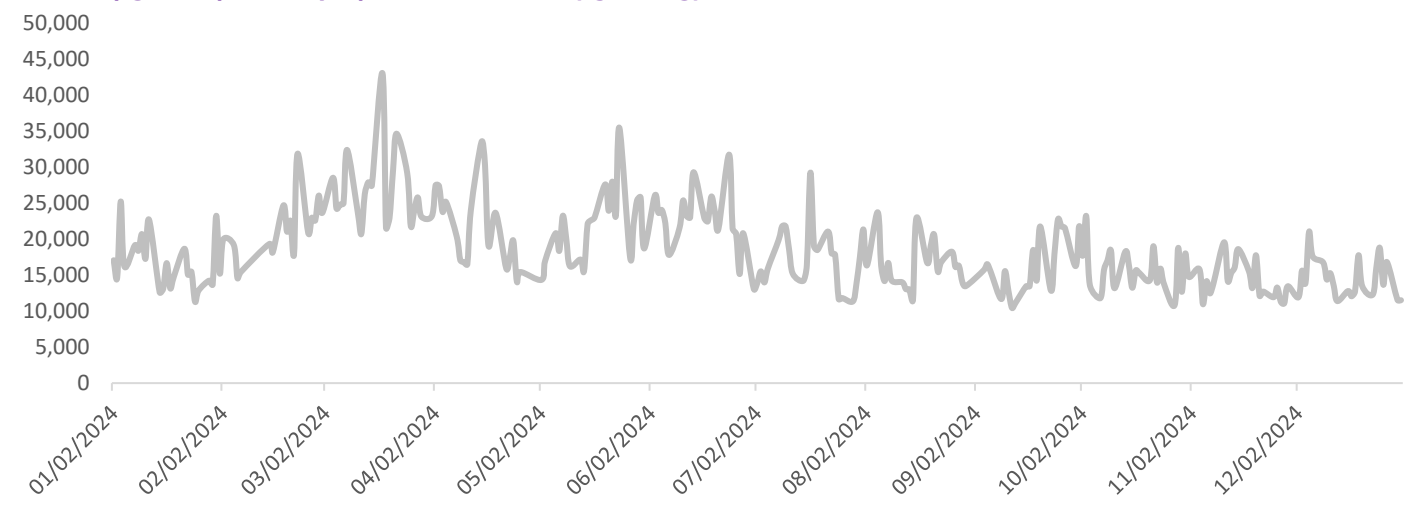
Index	31/12 Close	%MoM	%3M	%YoY	%YTD
VN-Index	1,266.78	1.31%	-1.64%	12.11%	11.93%
HNX-Index	227.43	1.24%	-3.18%	-1.56%	-1.11%
UPCOM	95.06	2.50%	1.60%	9.21%	8.54%
VN30	1344.75	2.55%	-0.58%	18.85%	18.83%
VNMID	1900.74	2.28%	-2.19%	9.90%	9.90%
VNSML	1,260.36	2.63%	-0.64%	5.80%	5.80%



# Diễn biến thanh khoản và giá trị giao dịch trong 12 tháng

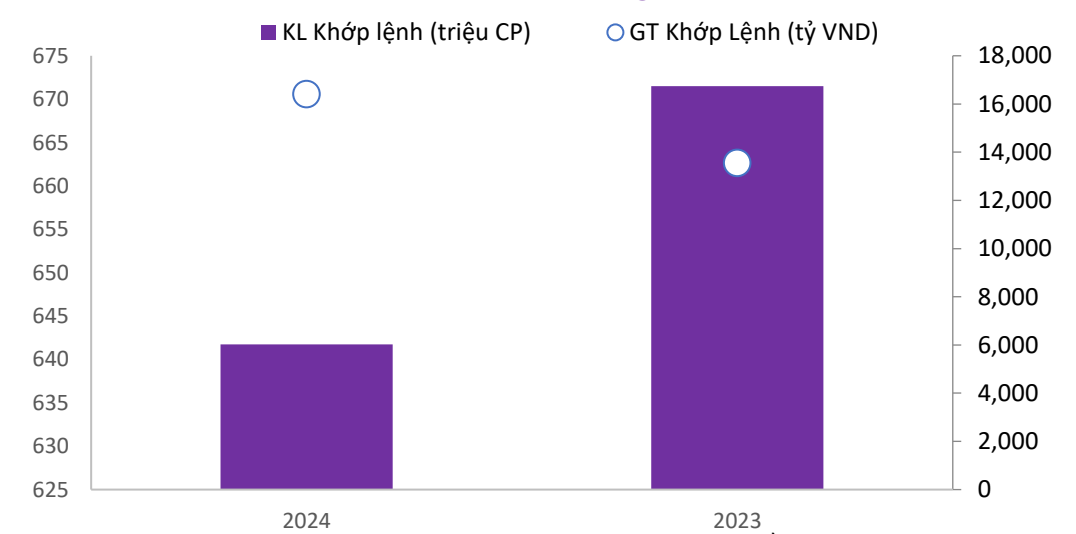
- Thanh khoản của VNINDEX đạt ngưỡng 732,240,517 cổ phiếu/ 1 phiên giao dịch và giá trị giao dịch bình quân ở mức 18,843 tỷ đồng/ 1 phiên giao dịch trong năm 2024. Nếu so sánh với ngưỡng trung bình của năm 2023, năm 2024 đạt được sự tăng trưởng về giá trị giao dịch ở mức 21.17% nhưng lại giảm về khối lượng giao dịch ở ngưỡng -1.35%.
- Năm 2024 cũng ghi nhận sự phân hoá rõ rệt của 3 nhóm vốn hoá VN30, VNSML và VNMID. Đối với VN30, nhóm này ghi nhận sự tăng trưởng lên đến 26.9% về khối lượng giao dịch bình quân và 42.6% về giá trị giao dịch bình quân. Điều này cho thấy sự quan tâm rõ rệt của NĐT sau khi VNINDEX chạm đáy vào tháng 10/2023, các cổ phiếu thuộc nhóm an toàn được định giá thấp sẽ hấp dẫn hơn so với 2 nhóm vốn hoá còn lại. 2 nhóm vốn hoá còn lại là VNMID và VNSML đều ghi nhận mức sụt giảm lần lượt là: -8.06% và -21.61% về khối lượng giao dịch nhưng lại đạt mức tăng 10.73% và 7.13% về giá trị giao dịch bình quân.

Giá trị giao dịch khớp lệnh năm 2024 (tỷ đồng)



Thanh khoản thị trường			
	2023	2024	%MoM
Thị trường Cơ sở			
+ KLGD Bình quân (triệu cp/phiên)	742	732	-1.35%
+ GTGD Bình quân (tỷ VND/phiên)	15,237	18,463	21.17%
+ Vốn hoá TT (tỷ VND)	4,446,089	5,094,770	14.59%
Thị trường Phái sinh			
+ KLGD Bình quân (nghìn HĐ/phiên)	235	210	14.98%
+ GTGD Bình quân (tỷ VND/phiên)	26,019	27,047	18.11%
Thị trường chứng quyền			
+ KLGD Bình quân (triệu cp/phiên)	32.74	48.48	48.08%
+ GTGD Bình quân (tỷ VND/phiên)	28.6	41.02	43.43%

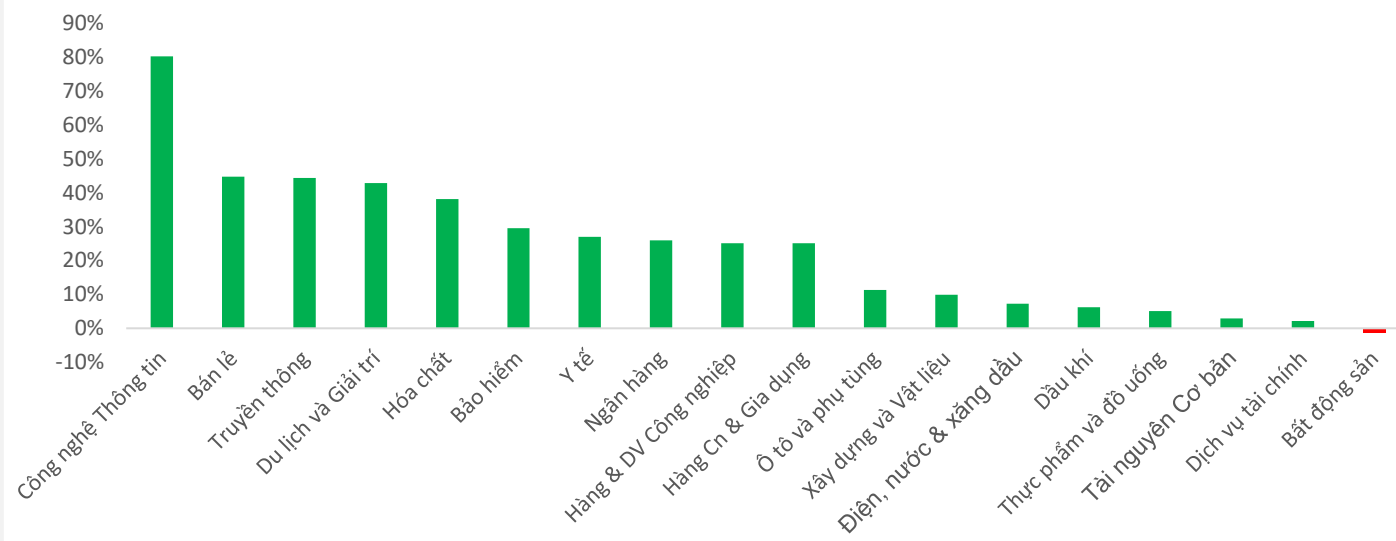
So sánh GTGD và KLKL của VNINDEX trong 2023 và 2024



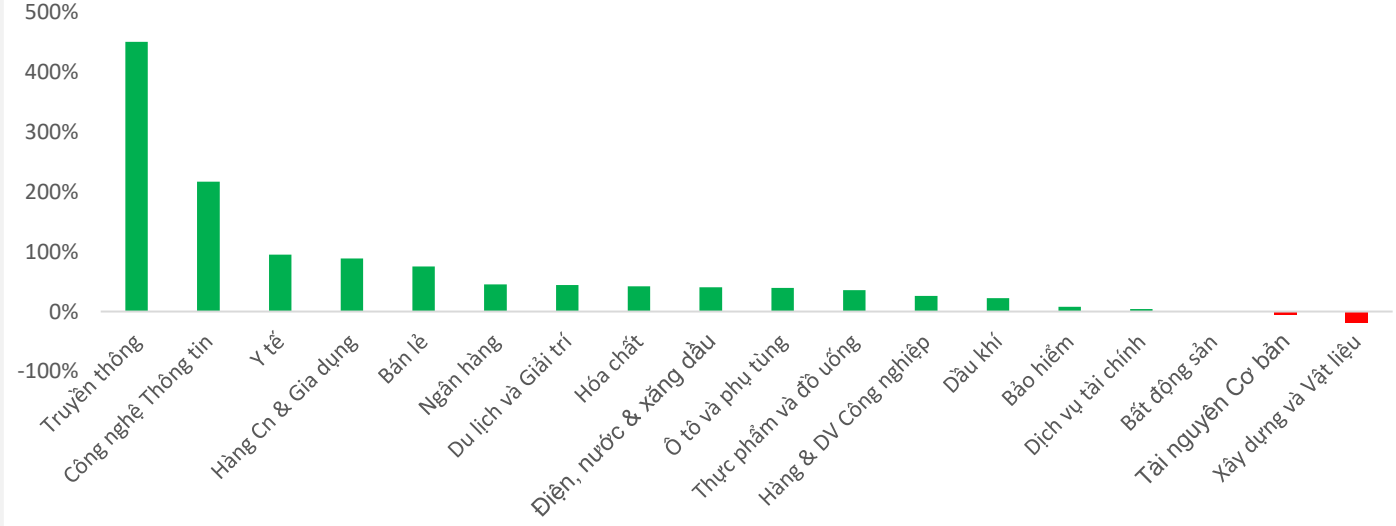
# Diễn biến của các nhóm ngành trong năm 2024

- Ngành CNTT dẫn đầu với mức tăng trưởng vượt trội, gần 90%. Điều này cho thấy đây là ngành phát triển mạnh mẽ nhất trong năm 2024 nhờ vào sự đổi mới công nghệ hoặc nhu cầu tăng cao. Ngành Bán lẻ, Truyền thông, và Du lịch - Giải trí cũng có mức tăng trưởng khá ấn tượng, nằm trong khoảng 40-60%. Điều này có thể phản ánh sự phục hồi sau đại dịch hoặc sự gia tăng chi tiêu tiêu dùng. Các ngành Hóa chất, Bảo hiểm, và Y tế có mức tăng từ 20-40%, cho thấy sự ổn định và tăng trưởng bền vững trong các lĩnh vực này. Các ngành Ngân hàng, Hàng & Dịch vụ Công nghiệp, Hàng cá nhân & Gia dụng có mức tăng trưởng trung bình, nằm trong khoảng 10-20%. Những ngành như Điện, nước & xăng dầu, Thực phẩm và đồ uống, Tài nguyên cơ bản, Dịch vụ tài chính, và Dầu khí có mức tăng trưởng rất thấp hoặc gần như không thay đổi.
- Về diễn biến giá trị khớp lệnh của các nhóm ngành trong năm 2024, nhóm truyền thông dẫn đầu với mức tăng gần 500%, vượt trội hoàn toàn so với các ngành khác. CNTT tăng hơn 200%, tiếp tục là ngành có tiềm năng lớn. Y tế và Hàng cá nhân & Gia dụng tăng từ 100-200, các ngành như Bán lẻ, Ngân hàng, và Du lịch - Giải trí tăng từ 50-100%, cho thấy sự phục hồi tốt. Các ngành Hóa chất, Điện, nước & xăng dầu, và Thực phẩm & đồ uống tăng nhẹ dưới 50%, thể hiện sự ổn định. Dầu khí, Bảo hiểm, Bất động sản, Tài nguyên cơ bản và Xây dựng & Vật liệu không thay đổi hoặc giảm, với mức giảm rõ rệt ở Xây dựng & Vật liệu. Nhìn chung, các ngành truyền thống như bất động sản và xây dựng vẫn chưa hấp dẫn NĐT trong năm 2024.

% Thay đổi chỉ số của các ngành trong năm 2024

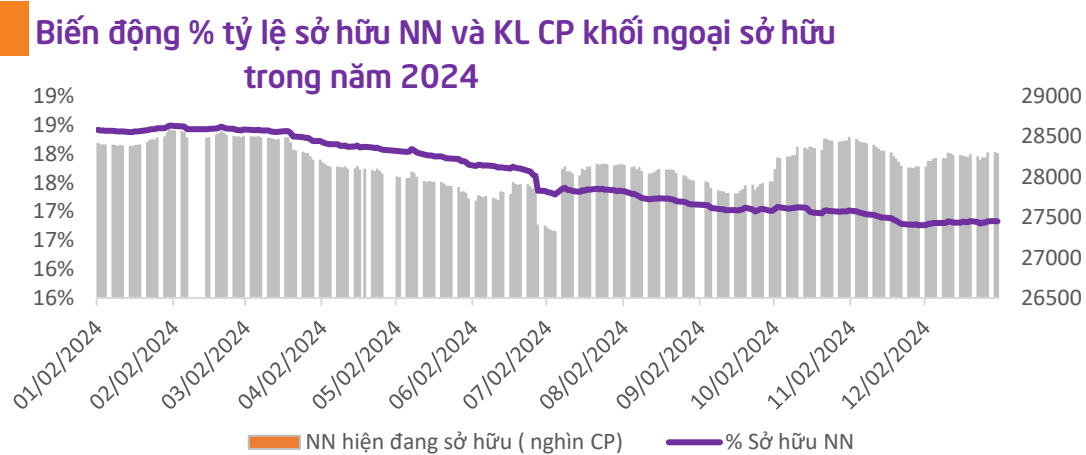
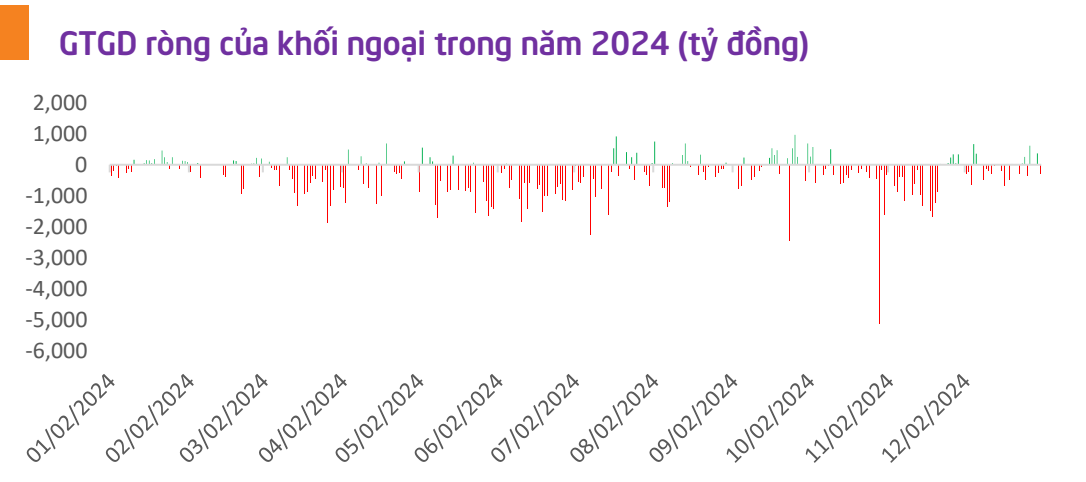


% Thay đổi giá trị khớp lệnh của các ngành trong năm 2024



# Động thái của khối ngoại trong năm 2024

- Khối ngoại duy trì xu hướng bán ròng với giá trị giao dịch ròng lên đến -90,269 tỷ đồng trong năm 2024. Trong đó, tháng 12 ghi nhận lực bán có phần nhẹ hơn của khối ngoại với giá trị giao dịch -2,298 tỷ đồng chiếm 2.55% tổng giá trị ròng của toàn bộ năm 2024. Khối ngoại đang cho thấy động thái giảm dần tình trạng bán ròng trong 2 tháng cuối năm.
- Tỷ lệ sở hữu NN năm 2024 từ mức 18.42% từ đầu năm 2024 đã hạ xuống còn 16.83% tính đến phiên giao dịch cuối cùng vào ngày 31/12/2024. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu khối ngoại sở hữu vẫn duy trì quanh ngưỡng 28 tỷ cổ phiếu – gần ngang mức đầu năm 2024. Giải thích về lý do liên tục bán ròng trong năm 2024, chúng tôi cho rằng có rất nhiều yếu tố tác động như: (I) Căng thẳng đến từ tỷ giá đồng Việt Nam và Đô La Mỹ, (II) Diễn biến địa chính trị trên thế giới với nhiều cuộc chiến gây ra tình trạng bất ổn dẫn đến việc (III) Giá vàng tăng cao khiến một bộ phận nhà đầu tư tìm đến các kênh đầu tư khác ngoài kênh chứng khoán truyền thống (IV) Việc nâng hạng thị trường không thành công cũng gây ra tâm lý tiêu cực cho những nhà đầu tư kỳ vọng vào điều này xảy ra.



Top Mua/Bán ròng của NĐTNN tính từ đầu năm 2024 (Đơn vị: Tỷ đồng)				Top Mua/Bán ròng của NĐTNN trong tháng 12/2024 (Đơn vị: Tỷ đồng)			
Mã	Mua ròng	Mã	Bán ròng	Mã	Mua ròng	Mã	Bán ròng
MWG	922.3	VHM	-19,325.9	SSI	582.2	VCB	-1,172.1
NLG	877.4	FUEVFN	-8,290.8	NLG	441.7	FUEVFN	-873.9
SBT	819.3	FPT	-7,278.7	SBT	405.5	FPT	-686.0
MSB	793.7	VRE	-6,097.6	MSB	359.4	VRE	-634.1
HVN	711.7	HPG	-6,048.1	HVN	330.4	HPG	-527.5
HCM	512.5	VPB	-5,998.2	HCM	259.5	VPB	-473.4
DBC	503.2	MSN	-4,890.9	DBC	243.4	MSN	-212.0
STB	462.9	VIC	-4,282.1	STB	241.5	VIC	-180.8
MBB	426.0	VNM	-3,747.6	MBB	214.9	VNM	-157.5
PLX	352.1	VIB	-3,230.6	PLX	212.2	VIB	-149.7

# Nhóm ngành kỳ vọng có diễn biến tích cực trong tháng 01/2025

Dựa trên xu hướng lịch sử, tháng 1 qua các năm từ 2011 cho đến nay thường có mức tăng khá cao nhờ hiệu ứng đầu năm. Có tới 10/14 tháng giao dịch ghi nhận mức tăng trưởng dương trong đó năm 2012, 2013, 2014, 2018 và gần đây nhất là năm 2023 ghi nhận mức tăng trưởng lên đến hơn 10%. Tuy nhiên không nên kỳ vọng mức tăng đột phá trong năm 2025 do khác với các năm trước đó thường dịp nghỉ tết âm đến vào tháng 02 thì trong năm 2025 tâm lý nghỉ Tết có thể làm giảm thanh khoản trên thị trường. Kỳ vọng tăng trưởng tháng 1/2025 sẽ dao động quanh mức trung bình thấp (1-3%). Các ngành nhóm ngành NĐT có thể quan tâm trong tháng 01/2025 bao gồm:

- Nhóm ngành bảo hiểm:** Dù doanh thu năm 2024 giảm nhẹ 0,26%, tổng tài sản toàn ngành vẫn tăng 10,88%, đạt hơn 1 triệu tỷ đồng, cho thấy năng lực tài chính vững vàng. Nguồn vốn chủ sở hữu và chi trả quyền lợi bảo hiểm cũng tăng mạnh, lần lượt đạt 210.124 tỷ đồng (+6,45%) và 93.906 tỷ đồng (+17,94%). Triển vọng ngành năm 2025 được thúc đẩy bởi tăng trưởng ổn định ở lĩnh vực phi nhân thọ và kỳ vọng phục hồi của bảo hiểm nhân thọ nhờ nhu cầu ngày càng tăng và khung pháp lý hoàn thiện.
- Nhóm ngành bất động sản:** Đầu năm 2025, lãi suất vay mua nhà thấp và hỗ trợ pháp lý từ Chính phủ thúc đẩy nguồn cung, nhưng giá cao vẫn là thách thức, đòi hỏi chiến lược tiếp thị mạnh mẽ từ chủ đầu tư. Năm nay, thị trường bất động sản dự kiến sôi động với hàng loạt dự án được mở bán từ các chủ đầu tư lớn như Vinhomes, Gamuda Land, Phát Đạt, Sun Group, Hoàng Huy, Đất Xanh, Nam Long, Khang Điền và Taseco Land. Các dự án nổi bật bao gồm Vinhomes Wonder Park tại Hà Nội, Phước Vĩnh Tây tại Long An, Dương Kinh tại Hải Phòng, Gems Riverside của Đất Xanh tại TP.HCM, Central Residence của Gamuda Land tại Hà Nội, và Olalani Riverside Towers của Sun Group tại Đà Nẵng.

Tỷ suất sinh lời hàng tháng của VN-Index

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
2011	5.3%	-9.6%	-0.1%	4.1%	-12.2%	2.6%	-6.2%	4.9%	0.5%	-1.6%	-9.5%	-7.7%
2012	10.4%	9.2%	4.1%	7.4%	-9.4%	-1.6%	-1.9%	-4.5%	-0.9%	-1.1%	-2.7%	9.5%
2013	16.0%	-1.1%	3.5%	-3.4%	9.2%	-7.2%	2.2%	-3.9%	4.2%	1.0%	2.1%	-0.6%
2014	10.3%	5.4%	0.9%	-2.3%	-2.8%	2.9%	3.1%	6.8%	-5.9%	0.3%	-5.7%	-3.7%
2015	5.6%	2.9%	-7.0%	2.0%	1.3%	4.1%	4.7%	-9.1%	-0.4%	8.0%	-5.6%	1.0%
2016	-5.8%	2.6%	0.3%	6.6%	3.4%	2.2%	3.2%	3.4%	1.6%	-1.4%	-1.6%	0.0%
2017	4.9%	1.9%	1.6%	-0.6%	2.8%	5.2%	0.9%	-0.1%	2.8%	4.1%	13.5%	3.6%
2018	12.8%	1.3%	4.4%	-10.6%	-7.5%	-1.1%	-0.5%	3.5%	2.8%	-10.1%	1.3%	-3.7%
2019	2.0%	6.0%	1.6%	-0.1%	-2.0%	-1.0%	4.4%	-0.8%	1.3%	0.2%	-2.8%	-1.0%
2020	-2.5%	-5.8%	-24.9%	16.1%	12.4%	-4.6%	-3.2%	10.4%	2.7%	2.2%	8.4%	10.0%
2021	-4.3%	10.6%	2.0%	4.0%	7.2%	6.1%	-7.0%	1.6%	0.8%	7.6%	2.4%	1.3%
2022	-1.3%	0.8%	0.1%	-8.4%	-5.4%	-7.4%	0.7%	6.1%	-11.6%	-9.2%	2.0%	-3.9%
2023	10.3%	-7.8%	3.9%	-1.5%	2.5%	4.2%	9.2%	0.1%	-5.7%	-10.9%	6.4%	3.3%
2024	3.0%	7.6%	2.5%	-5.8%	4.3%	-1.3%	0.5%	2.6%	0.3%	-1.8%	-1.1%	1.3%
2025												

Nguồn: FiinPro, TPS Research



# Dự báo kịch bản dao động của VNIndex trong tháng 1/2025.

- Nửa cuối năm 2024 ghi nhận VNINDEX bước vào giai đoạn dao động khung trong vùng giá từ 1180 đến 1300 điểm. Trong giai đoạn dao động khung như thời điểm hiện tại, VNINDEX cần yếu tố thanh khoản tham gia để có thể xác nhận xu thế tăng mới kèm theo đó, giá cũng cần phải vượt qua kênh trên tại 1300 điểm. Chúng tôi kỳ vọng, VNINDEX có thể thu hút được thanh khoản trong tháng 01 và mở ra cơ hội tăng trưởng trong quãng thời gian đầu năm 2025. Xét về chỉ báo kỹ thuật, chúng ta có:
- **EMA:** Cả 3 đường EMA 10, 20 và 50 tính đến ngày 03/01/2025 vẫn đang hỗ trợ đường giá của VNINDEX khá tốt, bằng chứng là vào ngày 19 và 20/12/2024 thị trường đã có lúc chạm xuống vùng EMA 50 và bật tăng trở lại vượt lên ngưỡng 1270 điểm. Điều này củng cố lòng tin của NĐT vào sự hỗ trợ của đường trung bình động này.
- **MACD:** Chỉ báo MACD sau chuỗi tăng trưởng từ ngày 19 – 25/12/2024 thì đã có dấu hiệu suy yếu, đường MACD tạo thành xu hướng nằm ngang và giao cắt nhau liên tục. Histogram của MACD cũng đã nằm ở ngưỡng âm sau chuỗi giảm điểm từ ngày 25/12/2024 – 03/01/2025. Tuy nhiên, nếu xét trên đồ thị ngày thì việc rủi ro khi hình thành mô hình 2 đỉnh (đỉnh 1 ngày 09/12 và đỉnh 2 ngày 26/12/2024) kèm việc MACD đang suy yếu làm rầy lên những lo ngại của nhà đầu tư trong ngắn hạn.
- **RSI:** Tương tự như điểm số của VNINDEX, chỉ báo RSI cũng đang có dấu hiệu hình thành mô hình 2 đỉnh sau khi chạm lên vùng RSI 60 vào ngày 27/12. Rủi ro trong thời điểm đầu năm 2025 là hoàn toàn có cơ sở. Chúng tôi cho rằng, NĐT nên có những biện pháp an toàn cho tài khoản, tránh mua sớm mà nên chờ đợi khi nào VNINDEX thu hút được thanh khoản trở lại, tâm lý giao dịch tốt hơn để giải ngân.

Sau khi quan sát các chỉ báo, chúng tôi đưa 2 kịch bản cho thị trường trong tháng 01/2025 tới đây:

- **Kịch bản tích cực (khả năng xảy ra: 40%): VNINDEX vượt lên 1,300 điểm, bắt đầu xu thế tăng mới.** Kịch bản này xảy ra khi thị trường có thể tạo đáy tại vùng giá 1240 điểm thành công thì VNINDEX mới có đủ động lực và thu hút được dòng tiền để chỉ số vượt qua ngưỡng 1300 điểm. Kịch bản này VNINDEX rất cần thanh khoản bùng nổ cùng điểm số. Vùng giá mà VNINDEX có thể tìm đến là ngưỡng 1340 điểm (tương ứng với mức 1 của Fibonacci mở rộng).
- **Kịch bản trung tính (khả năng xảy ra: 60%): VNINDEX giảm điểm sau khi chạm vùng 1240 điểm.** Ở kịch bản này, thị trường sẽ gặp khó khăn và ngưỡng hỗ trợ 1240 điểm không đủ sức để hỗ trợ cho xu hướng của thị trường thì khả năng cao xu thế giảm có thể sẽ xuất hiện, các kịch bản xấu được mở ra và kéo chỉ số VNINDEX xuống vùng 1180 điểm (tương ứng mức đáy cũ của VNINDEX được tạo lập vào hồi tháng 09/2024).



# Dự báo các kịch bản của Vnindex tháng 01/2025

Kịch bản tích cực      Kịch bản tiêu cực

1240 – 1300

1250 - 1180

Chỉ số VNINDEX - 1D    ● O1268.74 H1269.01 L1257.11 C1257.22 -12.49 (-0.98%)

▼ 3



## Luận điểm đầu tư:

Xu thế: Cổ phiếu BVH đang có nhịp điều chỉnh mạnh sau khi có mức tăng ấn tượng trong khoảng cuối tháng 11/2024. Điều này đã được cảnh báo khi cổ phiếu liên tục phân phối đỉnh và có tới 2 cây nến có râu dài phía trên cho thấy rõ phe bán đã chủ động vào cuộc mỗi khi giá lên cao. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng vào việc cổ phiếu hoàn toàn có thể tiếp tục tăng trưởng sau khi việc điều chỉnh đi qua.

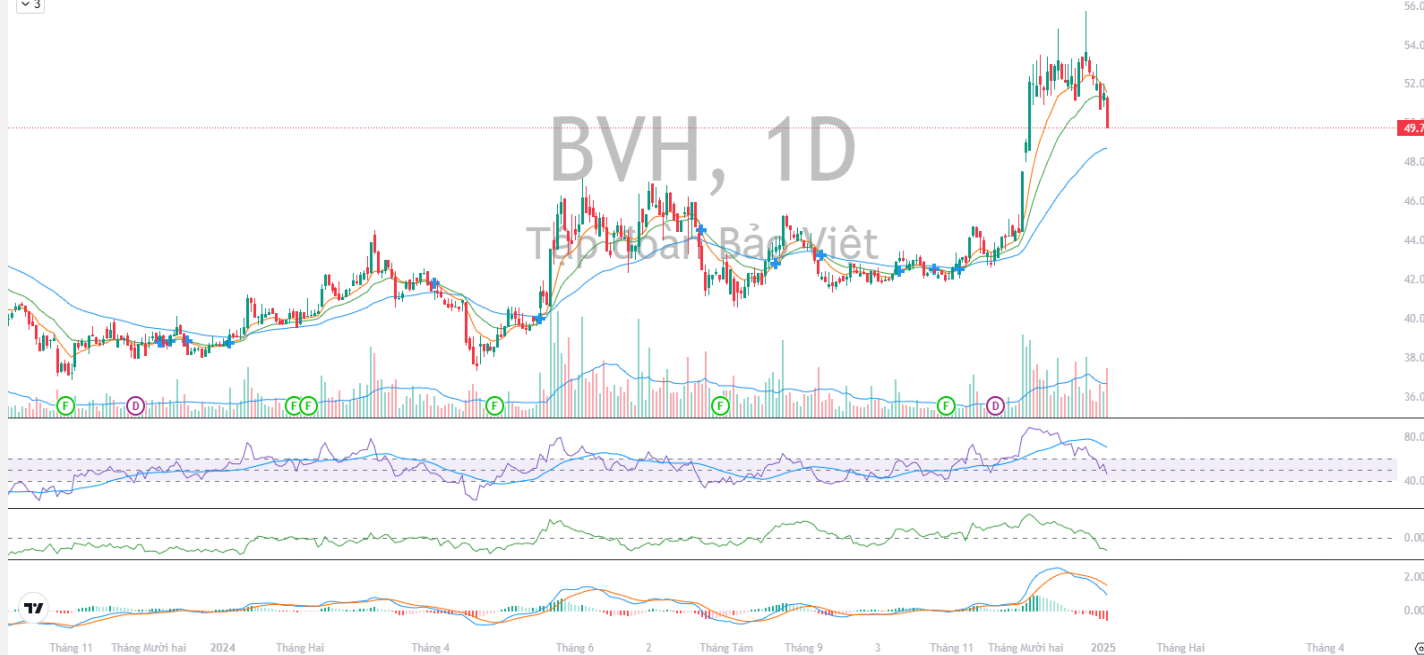
## Phân tích kỹ thuật:

Các chỉ báo sau nhịp điều chỉnh khi đã chạm vùng quá bán ở chỉ báo RSI, BVH vẫn chưa có dấu hiệu cho thấy đà giảm này kết thúc. Đối với chỉ báo MACD, các dấu hiệu tiêu cực đã dần hiện sau phiên 24/12 khi 2 đường MACD đã chính thức giao cắt. Histogram của MACD vẫn chìm sâu ở vùng giá đỏ và chưa có dấu hiệu suy yếu đà giảm hiện tại.

Đối với cổ phiếu BVH, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư chờ mua ở vùng giá dưới khi đà giảm suy yếu và kết thúc:

Giá mua	Hỗ trợ 1	Hỗ trợ 2	Kháng cự 1	Kháng cự 2	Cắt lỗ	Chốt lời
(1) 44,000	42,000	41,000	48,000	54,000	40,000	56,000
(2) 46,000						

Tập đoàn Bảo Việt - 1D - HSX  
O 51.30 H 51.40 L 49.75 C 49.75 -1.75 (-3.40%)  
▼ 3



Nguồn: FireAnt

## Luận điểm đầu tư:

Xu thế: Cổ phiếu NLG duy trì xu thế giảm từ tháng 06/2024 cho đến nay thì mới có dấu hiệu tích cực do giá cổ phiếu NLG tiệm cận đường hỗ trợ tại vùng 36,000 đồng. Xu hướng giảm ở thời điểm hiện tại có dấu hiệu suy yếu trong khi thanh khoản đang có dấu hiệu cải thiện dần.

## Phân tích kỹ thuật:

Các chỉ báo của cổ phiếu NLG đều đang nằm gần vùng quá bán sau quãng thời gian dài điều chỉnh từ tháng 06/2024 cho đến nay. Chỉ báo RSI, chỉ báo MACD đều có dấu hiệu đi ngang, hướng lên trên mức 0 với MACD và trở lại vùng 50 với chỉ báo RSI.

Việc đang ở nền giá thấp có thể mở ra những cơ hội đầu tư đối với cổ phiếu NLG

Giá mua	Hỗ trợ 1	Hỗ trợ 2	Kháng cự 1	Kháng cự 2	Cắt lỗ	Chốt lời
(1) 35,000	34,000	32,000	38,000	39,000	33,000	40,000
(2) 36,000						



Nguồn: FireAnt

# Thống kê hiệu suất của cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT

## THỐNG KÊ CỔ PHIẾU THEO PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Mã CP	Giá đóng cửa 31/10	Vùng mua	Giá mục tiêu	% Lợi nhuận thực tế	% Lợi nhuận kỳ vọng	Hỗ trợ	Kháng cự	Cutloss	Ngày khuyến nghị
PVB	29,600	24,000	28,000	23.3%	16.7%	23,000	27,000	22,000	04/01/2024
MWG	56,600	50,000	62,000	13.2%	24.0%	47,000	58,000	45,000	22/03/2024
DCM	34,350	31,000	38,000	10.8%	22.6%	27,021	32,425	26,120	22/03/2024
QNS	51,500	45,050	50,800	14.3%	12.8%	42,211	48,927	41,252	22/03/2024
HCM	28,150	27,000 -28,000	33,000	2.4%	20.0%	26,000	29,000	24,000	28/03/2024
HDG	27,700	22,000	28,600	25.9%	30.0%	20,588	24,168	19,693	05/04/2024
PAN	23,600	23,000	27,000	2.6%	17.4%	22,000	28,000	21,000	07/04/2024
DGC	112,500	106,000	147,000	6.1%	38.7%	98,000	131,000	96,000	04/06/2024
MBB	21,500	22,000	26,500	-2.3%	20.5%	21,500	24,000	20,000	11/07/2024
ANV	18,750	17,000	19,740	10.3%	16.1%	32,500	37,500	31,000	18/07/2024
TNG	24,000	23,500	30,000	2.1%	27.7%	21,000	28,500	20,000	15/08/2024
VCB	91,700	85,000	100,000	7.9%	17.6%	83,000	99,000	80,000	15/08/2024
HPG	25,950	25,000	30,000	3.8%	20.0%	22,500	26,500	20,000	26/08/2024
TCB	23,900	21,500	25,000	11.2%	16.3%	21,000	24,000	20,000	04/09/2024
MWG	56,600	65,500	74,000	-13.6%	13.0%	63,000	70,000	62,000	11/09/2024
VHC	68,800	68,000	79,500	1.2%	16.9%	67,000	71,000	65,500	18/09/2024
BVS	34,500	36,900	47,900	-6.5%	29.8%	35,200	38,200	34,200	24/09/2024
VPB	18,650	19,000	24,000	-1.8%	26.3%	18,000	22,000	17,000	04/10/2024
VCI	31,800	35,000	40,000	-9.1%	14.3%	33,000	38,000	32,500	04/10/2024
ACB	24,850	24,500	28,600	1.4%	16.7%	22,000	28,500	22,000	06/10/2024
VGI	88,800	65,000	91,000	36.6%	40.0%	63,000	70,000	52,500	09/10/2024
CTG	37,400	34,000	50,000	10.0%	47.1%	32,500	37,000	31,000	15/10/2024
KDH	33,550	33,000	37,500	1.7%	13.6%	31,500	35,000	30,000	25/10/2024
PNJ	94,600	95,000	108,500	-0.4%	14.2%	90,000	100,000	85,000	01/11/2024
TCB	23,900	23,850	26,850	0.2%	12.6%	21,500	23,300	20,500	08/11/2024
CTR	128,300	114,000	156,000	12.5%	36.8%	110,000	120,000	105,000	11/11/2024
CMG	47,100	43,243	64,865	8.9%	50.0%	48,000	60,000	47,000	15/11/2024
VSC	15,600	16,500	21,000	-5.5%	27.3%	15,000	19,000	14,400	15/11/2024
SSI	24,500	24,500	27,000	0.0%	10.2%	23,000	26,000	22,000	29/11/2024
PDR	18,700	19,500	24,000	-4.1%	23.1%	19,000	22,500	18,000	29/11/2024
PHR	51,000	51,500	59,000	-1.0%	14.6%	5,400	58,000	52,000	29/11/2024

## TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, tuy nhiên TPS không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo.

Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. Báo cáo này không phải là báo cáo phục vụ cho nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật. TPS và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của TPS và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này.

TPS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. TPS sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này. TPS nghiêm cấm việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay từng phần bản Báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của TPS

### Analyst

Lê Hồng Hải

028 7301 3839 (Ext 862)

[hailh@tpbs.com.vn](mailto:hailh@tpbs.com.vn)

### Head of Research

Ngô Thị Lệ Thanh

028 7301 3839 (Ext 121)

[thanhnt@tpbs.com.vn](mailto:thanhnt@tpbs.com.vn)

## LIÊN HỆ

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG (TPS)

 028 7301 3839

 [tt.pt@tpbs.com.vn](mailto:tt.pt@tpbs.com.vn)

 <https://www.tpbs.com.vn/>